

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ là:

- Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan, các đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty mẹ không quá 12 tháng.

(Sau đây, “Công ty” được hiểu là Công ty mẹ và các công ty con).

5. Cấu trúc Công ty

Công ty bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tài cấu trúc Công ty

Trong kỳ, Công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói.	57,50%	57,50%	57,50%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực ⁽¹⁾	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Bóc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	36,00%	36,00%	36,00%

⁽¹⁾ Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực ít hơn 50% nhưng theo thỏa thuận Công ty có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Ban Giám đốc điều hành hoạt động của Công ty này. Do vậy Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực bị Công ty kiểm

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

soát và Báo cáo tài chính của Công ty này được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh có trụ sở chính tại thửa đất số 7,8,9,12, tờ bản đồ số 66, Khu kinh tế Cửa khẩu Mộc Bài, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là: sửa chữa bảo dưỡng phương tiện vận tải; vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy; bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3901222613 ngày 22 tháng 04 năm 2016 của Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh, tỷ lệ góp vốn của Công ty vào công ty liên kết là 24%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ góp vốn của Công ty vào công ty liên kết theo số vốn thực góp là 50%.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 661 nhân viên đang làm việc Công ty (số đầu năm là 658 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính của các công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho (nguyên vật liệu, hàng hóa): bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí thuê bãi. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí thuê bãi

Chi phí thuê bãi thể hiện khoản tiền thuê bãi đã trả cho phần kho bãi Công ty đang sử dụng. Tiền thuê bãi được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 05
Tài sản cố định khác	3 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty mẹ.

15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Tiền bản quyền

Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao bản quyền.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	650.595.501	1.175.242.725
Tiền gửi ngân hàng	8.722.063.733	10.069.356.939
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	146.000.000.000	123.000.000.000
Cộng	155.372.659.234	134.244.599.664

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá gốc	2.000.000.000	1.000.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(117.346.784)	(83.187.230)
Cộng	1.882.653.216	916.812.770

⁽¹⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3901222613 ngày 22 tháng 04 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Tân Cảng – Tây Ninh 7.200.000.000 VND, tương đương 24% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 2.000.000.000 VND, tỷ lệ vốn góp của Công ty trong số vốn điều lệ thực góp của Công ty TNHH Tân Cảng – Tây Ninh là 50%. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH Tân Cảng – Tây Ninh là 5.200.000.000 VND.

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	916.812.770	
Góp vốn	1.000.000.000	
Phân lãi hoặc lỗ	(47.321.427)	
Tặng khác	13.161.873	
Số cuối kỳ	1.882.653.216	

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với công ty liên kết

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh là công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Góp vốn vào Công ty liên kết	1.000.000.000	
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	27.431.818	
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	427.976.600	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>40.638.622.069</i>	<i>41.754.063.952</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	35.001.451.019	40.557.872.577
Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh	6.600.000	
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	8.908.900	2.530.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	7.700.000	11.220.000
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	5.205.425.100	397.717.725
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	97.710.000	
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần	20.130.500	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép	8.000.000	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng		6.050.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	14.656.550	11.601.650
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Long Bình	104.060.000	64.150.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Đồng Nai	98.340.000	359.832.000
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	5.800.000	
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái		14.630.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương		93.225.000
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng Cái Mép		235.235.000
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Huỳnh Thy	59.840.000	
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>69.071.591.999</i>	<i>58.477.435.659</i>
Cộng	109.710.214.068	100.231.499.611

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>		<i>464.700.000</i>
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng		464.700.000
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>332.950.900</i>	<i>3.730.976.927</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim		3.348.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Long Đại Phát	73.078.500	73.078.500
Công ty Cổ phần Cơ khí Tân Thanh		186.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á		15.000.000
Cơ sở chế biến gỗ Thành Long	141.000.000	
Công ty TNHH A.D.A	42.928.000	
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB - Chi nhánh Hồ Chí Minh	35.000.000	
Các nhà cung cấp khác	40.944.400	108.898.427
Cộng	332.950.900	4.195.676.927

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan về các khoản chi hộ	303.812.099		492.495.077	
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	16.594.600		492.495.077	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	717.266			
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	278.639.499			
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	3.737.000			
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Long Bình	3.945.000			
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	896.000			
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	8.539.485.389		5.252.485.171	
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	83.748.203		12.647.521	
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	533.519.441		528.333.333	
Tạm ứng	4.651.335.162		2.698.729.085	
Ký cược, ký quỹ	847.332.000		862.332.000	
Các khoản chi hộ	2.314.740.856		1.126.941.209	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	108.809.727		23.502.023	
Cộng	8.843.297.488		5.744.980.248	

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc / Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc / Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Asian Groupage Services Việt Nam (Phải thu tiền cung cấp dịch vụ)	Trên 3 năm	129.156.004	Trên 3 năm	129.156.004
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Cảng Logistics (Phải thu tiền cung cấp dịch vụ)		116.032.000		
Cộng		245.188.004		129.156.004

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	129.156.004	129.156.004
Trích lập dự phòng bổ sung	116.032.000	
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	245.188.004	

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	156.411.524		86.925.274	
Nguyên liệu, vật liệu	1.943.038.333		1.567.467.472	
Cộng	2.099.449.857		1.654.392.746	

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	1.156.079.963	2.282.627.199
Chi phí sửa chữa tài sản	410.232.266	997.466.608
Chi phí bảo hiểm	273.943.508	991.069.831
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.247.714.973	2.094.527.029
Cộng	3.087.970.710	6.365.690.667

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	3.717.204.610	1.757.559.295
Chi phí sửa chữa tài sản	7.335.815.436	8.022.551.108
Bảo hiểm phương tiện		126.545.454
Chi phí thuê bãi	583.818.197	718.545.467
Các chi phí trả trước dài hạn khác	859.228.172	666.283.715
Cộng	12.496.066.415	11.291.485.039

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	134.749.821.909	255.676.302.350	192.514.109.819	4.920.901.268	40.624.373.399	628.485.508.745
Mua trong kỳ		864.986.000	12.343.983.142		625.909.090	13.834.878.232
Đầu tư XDCB hoàn thành	10.848.708.657					10.848.708.657
Thanh lý, nhượng bán	(657.650.000)					(657.650.000)
Số cuối kỳ	144.940.880.566	256.541.288.350	204.858.092.961	4.920.901.268	41.250.282.489	652.511.445.634
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		56.454.271.347	5.454.495.363	3.092.814.147	1.274.497.704	66.276.078.561
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	34.089.230.939	99.403.163.804	75.171.097.720	4.036.380.626	10.863.191.990	223.563.065.079
Khấu hao trong năm	5.245.112.961	8.245.202.566	17.322.513.504	297.321.188	3.905.438.526	35.015.588.745
Thanh lý, nhượng bán	(61.654.680)					(61.654.680)
Số cuối năm	39.272.689.220	107.648.366.370	92.493.611.224	4.333.701.814	14.768.630.516	258.516.999.144
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	100.660.590.970	156.273.138.546	117.343.012.099	884.520.642	29.761.181.409	404.922.443.666
Số cuối kỳ	105.668.191.346	148.892.921.980	112.364.481.737	587.199.454	26.481.651.973	393.994.446.490
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo số sách là 327.784.479.434 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.219.631.800	619.607.429	1.600.024.371
Tăng do nâng cấp trong kỳ	1.549.000.000		1.549.000.000
Khấu hao trong kỳ		328.337.316	(328.337.316)
Số cuối kỳ	3.768.631.800	947.944.745	2.820.687.055

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

11a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.218.163.804	698.968.611
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(547.982.551)	(64.391.364)
<i>Số phát sinh trong kỳ</i>	<i>670.181.253</i>	<i>634.577.247</i>
<i>Số hoãn nhập</i>	<i>(1.218.163.804)</i>	<i>(698.968.611)</i>
Số cuối kỳ	670.181.253	634.577.247

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

11b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ do phát sinh nhỏ.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	34.417.394.562	24.034.000.214
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	23.800.982.953	13.732.209.832
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	542.214.156	218.105.030
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần	712.183.175	1.097.427.650
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	2.341.202.952	2.774.151.199
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	839.298.950	353.360.181
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	42.993.720	188.139.996
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	2.085.475.399	1.642.027.426
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	500.000.000	325.890.420
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	827.245.650	1.043.922.550
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	128.496.137	215.300.000
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	2.112.324.120	2.022.055.280

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng	4.693.700	42.078.300
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai		11.120.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	81.634.300	71.573.700
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	151.924.850	222.653.200
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	5.500.000	
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng	9.784.500	11.505.450
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng - Cái Mép	231.440.000	62.480.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	25.215.813.656	25.085.424.861
Cộng	59.633.208.218	49.119.425.075

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.245.124.959	25.366.015	14.924.990.702	(14.068.784.849)	2.075.964.797	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			1.104.445.800	(1.104.445.800)		
Thuế nhập khẩu				(525.294.000)		525.294.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.219.975.188		8.439.654.874	(10.416.562.221)	5.243.067.841	
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho bên liên doanh	628.868.958		303.248.867	(932.117.825)		
Thuế thu nhập cá nhân	740.484.880		1.851.986.792	(2.431.724.682)	160.746.990	
Thuế nhà thầu nước ngoài			102.153.960	(102.153.960)		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		12.657.641	9.000.000	(9.000.000)		12.657.641
Cộng	9.834.453.985	38.023.656	26.735.480.995	(29.590.083.337)	7.479.779.628	537.951.641

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	8.439.654.874	8.336.667.287
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	8.439.654.874	8.336.667.287

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	2.994.567.083	184.362.750
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	2.753.821.000	
Phí tư vấn quản lý	1.610.000.000	
Thuế phương tiện	148.000.000	
Nâng hạ, trung chuyển	995.821.000	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh	87.912.050	
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng - Chi phí xếp dỡ	40.983.030	
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng - Chi phí nâng hạ	31.594.653	
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng - Chi phí nâng hạ	1.280.000	
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần - Chi phí xếp dỡ	78.976.350	
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.862.389.611	5.408.940.707
Chi phí lãi vay	934.439.940	107.793.947
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	469.621.500	379.412.000
Chi phí thuê kho		195.000.000
Chi phí quà tặng khách hàng		3.043.636.364
Chi phí hoa hồng	203.188.851	71.377.777
Chi phí lãi vay chia cho bên liên doanh	55.271.602	68.709.725
Chi phí cho người lao động		1.114.700.000
Các chi phí khác	199.867.718	428.310.894
Cộng	4.856.956.694	5.593.303.457

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

15a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>19.727.181.021</i>	<i>2.114.655.330</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Lãi hợp tác kinh doanh phải trả	3.797.181.021	2.114.655.330
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – Cổ tức phải trả	15.930.000.000	
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>14.800.229.900</i>	<i>5.822.720.749</i>
Kinh phí công đoàn	485.091.079	577.642.961
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	761.640.752	1.647.074.974
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	338.000.000	543.600.000
Tiền cược container	324.460.000	354.460.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	11.890.379.350	1.787.740.895
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.000.658.719	912.201.919
Cộng	34.527.410.921	7.937.376.079

15b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>8.621.612.981</i>	<i>8.621.612.981</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ Tầng Tân Cảng (*)	8.621.612.981	8.621.612.981
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>22.330.000</i>	<i>22.330.000</i>
Nhận ký quỹ, ký cược	22.330.000	22.330.000
Cộng	8.643.942.981	8.643.942.981

(*) Là khoản hợp tác đầu tư phải trả theo hợp đồng hợp tác kinh doanh “về việc hợp tác mua Cầu khung để cho thuê” ngày 09 tháng 6 năm 2015. Thời hạn hợp tác kinh doanh là 11 năm kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

16a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú ⁽¹⁾	3.095.482.689	11.978.163.040
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)	50.217.087.812	47.355.466.812
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú</i>	<i>48.546.687.812</i>	<i>45.685.066.812</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á</i>	<i>1.670.400.000</i>	<i>1.670.400.000</i>
Cộng	53.312.570.501	59.333.629.852

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú theo hợp đồng cấp tín dụng số 8630.16.151.687490.TD ngày 23 tháng 6 năm 2016 để bổ sung vốn lưu động, phát hành LC/bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh giai đoạn 2016 - 2017. Thời hạn vay không vượt quá 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là các phương tiện vận tải đang đảm bảo cho nghĩa vụ trung hạn của Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội và các khoản phải thu luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 98.15.151.687490 ngày 27 tháng 6 năm 2015.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	11.978.163.040	20.161.380.835		(29.044.061.186)	3.095.482.689
Vay dài hạn đến hạn trả	47.355.466.812		27.341.961.156	(24.480.340.156)	50.217.087.812
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh An Phú</i>	<i>45.685.066.812</i>		<i>26.506.761.156</i>	<i>(23.645.140.156)</i>	<i>48.546.687.812</i>
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á</i>	<i>1.670.400.000</i>		<i>835.200.000</i>	<i>(835.200.000)</i>	<i>1.670.400.000</i>
Cộng	59.333.629.852	20.161.380.835	27.341.961.156	(53.524.401.342)	53.312.570.501

16b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	186.111.697.849	195.075.612.005
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú⁽ⁱ⁾</i>	<i>182.910.097.849</i>	<i>191.038.812.005</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>3.201.600.000</i>	<i>4.036.800.000</i>
Cộng	186.111.697.849	195.075.612.005

- (i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú:

Các khoản vay dài hạn tại Công ty mẹ theo các hợp đồng vay trong năm 2014, 2015, 2016 để xây dựng tòa nhà văn phòng, xây dựng kho CFS tại Cảng Cát Lái, mua sắm các tài sản cố định. Thời hạn vay từ 5 năm đến 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng vay. Lãi suất thả nổi, biến động trong năm từ 7,9%/năm đến 9,2%/năm. Tài sản đảm bảo là các tài sản cố định hình thành từ khoản vay (xem thuyết minh số V.9) và Quyền khai thác lỗ đất theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1989/KHKT-TC ngày 19 tháng 10 năm 2010 và phụ lục số 04-1989/PLHD ngày 15 tháng 3 năm 2014 - Thuê đất xây dựng kho ký giữa Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn đến năm 2025, quyền khai thác dự án kho CFS hình thành từ vốn vay và vốn tự có và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.

Các khoản vay dài hạn tại Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái theo các hợp đồng vay trong năm 2013, 2014, 2015 để mua sắm các tài sản cố định. Thời hạn vay từ 54 tháng đến 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng vay. Lãi suất thả nổi, biến động trong năm từ 8%/năm đến 9,2%/năm. Tài sản đảm bảo là các tài sản cố định hình thành từ vốn vay.

Khoản vay dài hạn tại Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực theo hợp đồng cấp tín dụng số 27377.15.154.1317222.TD ngày 06/10/2015 để bổ sung vốn thanh toán tiền mua 02 xe đầu kéo

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

nhãn hiệu CHENGLONG theo hợp đồng kinh tế số 1713/HĐKT/HA-TCHL/2015 ký ngày 05/08/2015 với công ty TNHH ô tô Hải Âu và 02 sơ mi romooc theo hợp đồng mua bán số 640/2015/HDMB ký ngày 28/08/2015 với công ty Cổ phần Thương mại Cơ khí Tân Thanh. Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp ô tô số 27378.15.154.1317222.BĐ ngày 06 tháng 10 năm 2015.

- (iii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 127915/HĐTD-TDH/DN ngày 27 tháng 5 năm 2015 để đầu tư mua sắm Tài sản cố định. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là 06 xe ô tô đầu kéo hiệu Daewoo V3TEF, mới 100%, công suất 340PS, sản xuất năm 2015 theo hợp đồng thế chấp ô tô số 127915/HĐTC-TDH/DN ngày 27 tháng 5 năm 2015, tổng giá trị tài sản thế chấp là 10.440.000.000 VND.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	50.217.087.812	47.355.466.812
Trên 1 năm đến 5 năm	140.099.859.181	138.688.363.135
Trên 5 năm	46.011.838.668	56.387.248.870
Cộng	236.328.785.661	242.431.078.817

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	195.075.612.005	183.447.803.151
Số tiền vay phát sinh	18.378.047.000	59.489.287.803
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(27.341.961.156)	(26.277.988.687)
Số cuối kỳ	186.111.697.849	216.659.102.267

16c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do trích lập từ lợi nhuận		Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
	Số đầu năm				
Quỹ khen thưởng	2.962.994.989	1.838.573.976		(1.017.835.513)	3.783.733.452
Quỹ phúc lợi	4.596.591.462	3.423.107.070	535.000.000	(3.705.368.372)	4.849.330.160
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	700.000.000	509.660.749		(200.000.000)	1.009.660.749
Cộng	8.259.586.451	5.771.341.795	535.000.000	(4.923.203.885)	9.642.724.361

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	149.982.580.000	28.464.598.427	69.344.612.902	27.693.000.095	275.484.791.424
Xác định lại lợi ích của cổ đông không kiểm soát do thay đổi tỷ lệ lợi ích		345.939.649	511.990.690	(4.857.930.339)	(4.000.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ trước		2.824.579.272	29.704.324.191	1.900.430.441	31.604.754.632
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ		173.908.392	(7.061.448.180)	(233.020.251)	(4.236.868.908)
Trích lập các quỹ tại Công ty con			(469.733.093)	(153.600.000)	(528.844.952)
Chia cổ tức			(22.497.387.000)	(40.320.000)	(22.650.987.000)
Thù lao HĐQT, BKS tại Công ty con			(22.680.000)	(40.320.000)	(63.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	149.982.580.000	31.809.025.740	69.509.679.510	24.308.559.946	275.609.845.196
Số dư đầu năm nay	149.982.580.000	34.823.275.467	90.502.990.723	24.430.532.324	299.739.378.514
Lợi nhuận trong kỳ này			32.905.295.759	1.597.706.744	34.503.002.503
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ từ lợi nhuận năm trước			(317.911.363)		(317.911.363)
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ từ lợi nhuận kỳ này		3.169.066.187	(7.922.665.467)		(4.753.599.280)
Trích lập các quỹ tại Công ty con từ lợi nhuận năm trước		42.354.998	(146.864.993)	(185.795.547)	(290.305.542)
Trích lập các quỹ tại Công ty con từ lợi nhuận kỳ này		156.846.329	(392.323.555)	(174.048.384)	(409.525.610)
Chia cổ tức			(26.996.864.400)	(1.152.000.000)	(28.148.864.400)
Thù lao HĐQT, BKS tại Công ty con			(50.400.000)	(89.600.000)	(140.000.000)
Tăng khác			13.161.873		13.161.873
Số dư cuối kỳ này	149.982.580.000	38.191.542.981	87.594.418.577	24.426.795.137	300.195.336.695

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	88.500.000.000	88.500.000.000
Các cổ đông khác	61.482.580.000	61.482.580.000
Cộng	149.982.580.000	149.982.580.000

18c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	14.998.258	14.998.258
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	14.998.258	14.998.258
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	14.998.258	14.998.258

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 2017/NQ-DHĐCĐ ngày 16 tháng 6 năm 2017 như sau:

	VND
Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	26.996.864.400
• Trích quỹ thưởng ban điều hành	317.911.363
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2017	
• Trích quỹ đầu tư phát triển	3.169.066.187
• Trích quỹ khen thưởng	1.584.533.093
• Trích quỹ phúc lợi	3.169.066.187

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 3.153,39 USD (số đầu năm là 3.103,39 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	1.235.060.727	265.500.000
Doanh thu dịch vụ bốc xếp	236.416.413.608	226.563.454.970
Doanh thu các dịch vụ khác	96.064.834.284	70.257.521.964
Cộng	333.716.308.619	297.086.476.934

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	110.551.615.529	104.802.617.723
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	7.047.561.440	1.633.929.017
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	92.127.273	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	7.000.000	279.500.000
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	12.016.000	1.426.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	7.272.727	
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	44.850.000	
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần	20.569.455	
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	35.597.499	
Công ty TNHH Tân Cảng Tây Ninh	27.431.818	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	102.950.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Long Bình	132.900.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Texhong	15.000.000	
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng Cái Mép	5.400.000	
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng - Hiệp Phước	5.272.727	

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.245.686.936	265.500.000
Giá vốn của dịch vụ bốc xếp	176.847.098.870	228.234.642.145
Giá vốn của các dịch vụ khác	85.689.983.056	
Cộng	263.782.768.862	228.500.142.145

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.611.423.464	1.762.133.243
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	52.357.078	54.833.017
Cộng	2.663.780.542	1.816.966.260

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	8.873.701.538	9.065.504.568
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	32.431.300	200.678.862
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	140.040	209.611
Cộng	8.906.272.878	9.266.393.041

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	802.174.760	1.392.685.264
Chi phí bằng tiền khác	2.100.291.772	1.390.045.418
Cộng	2.902.466.532	2.782.730.682

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.014.901.751	8.164.262.116
Chi phí vật liệu quản lý	278.417.186	208.575.043
Chi phí đồ dùng văn phòng	653.842.590	883.138.271
Chi phí khấu hao tài sản cố định	608.973.754	434.045.502
Thuế, phí và lệ phí	110.153.960	7.500.000
Dự phòng phải thu khó đòi	116.032.000	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.530.598.591	3.404.249.914
Các chi phí khác	5.035.426.551	4.875.315.545
Cộng	17.348.346.383	17.977.086.391

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền phạt nhiên liệu đội cơ giới	285.035.285	172.173.436
Thu tiền bồi thường		22.363.700
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	131.277.408	53.000.000
Thu nhập khác	910.419	38.411.098
Cộng	417.223.112	285.948.234

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí khác

Chi phí phạt thuế

Chi phí phải trả thường nhiên liệu

Chi phí bồi thường

Chi phí khác

Cộng

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Năm trước

174.180.955

90.839.020

54.476.288

319.496.263

354.393.210

172.534.681

101.092.874

29.205.121

657.225.886

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế

Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Cộng

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Năm trước

(670.181.253)

1.218.163.804

547.982.551

(634.577.247)

698.968.611

64.391.364

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ

Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi

Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Năm trước

32.905.295.759

(4.989.076.506)

27.811.709.258

14.998.258

1.861

29.704.324.191

(4.236.868.908)

25.467.455.283

14.998.258

1.698

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu

Chi phí nhân công

Chi phí khấu hao tài sản cố định

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí khác

Cộng

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Năm trước

29.647.025.718

75.988.056.967

32.607.492.345

124.198.404.679

20.346.915.132

282.787.894.841

20.598.293.389

78.112.556.144

32.792.769.639

102.218.280.851

15.272.559.195

248.994.459.218

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Giám đốc tài chính). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền lương	966.572.487	1.007.134.994
Tiền thưởng	211.700.000	402.451.578
Cộng	1.178.272.487	1.409.586.572

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
<i>Công ty mẹ cung cấp dịch vụ</i>	4.665.966.544	4.184.428.418
<i>Công ty mẹ cho thuê Cơ sở Hạ tầng</i>	10.256.381.454	9.860.136.000
<i>Công ty mẹ cho thuê phương tiện vận tải</i>	740.000.000	888.000.000
<i>Công ty mẹ cung cấp điện, nước</i>	1.193.036.715	984.528.325

Mua hàng và sử dụng dịch vụ của các bên liên quan khác như sau:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	5.785.480.876	7.228.351.425
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	1.968.588.160	2.614.610.100
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	3.599.726.124	755.119.310
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng	74.027.000	
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	328.234.500	103.163.940
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	3.982.042.326	2.965.237.451
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	2.109.502.850	1.080.132.900
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	10.800.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	155.974.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Bình Dương	5.000.000	
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.149.288.000	1.729.468.736
Công ty TNHH Phát Triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	189.996.137	78.420.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	357.221.000	
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng - Cái Mép	456.600.000	
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	10.647.411.031	1.800.991.364
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	4.900.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Long Bình	13.400.000	
Công ty TNHH SITC Tân Cảng	24.261.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xây dựng cơ bản		
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	10.162.816.891	4.545.454.545

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.12, V.14 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ bốc xếp
- Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực bốc xếp	Lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	236.416.413.608	97.299.895.011	333.716.308.619
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	236.416.413.608	97.299.895.011	333.716.308.619
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	59.569.314.738	10.364.225.019	69.933.539.757
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(20.250.812.915)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			49.682.726.842
Doanh thu hoạt động tài chính			2.663.780.542
Chi phí tài chính			(8.906.272.878)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			(47.321.427)
Thu nhập khác			417.223.112
Chi phí khác			(319.496.263)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(8.439.654.874)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(547.982.551)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			34.503.002.503

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực bốc xếp	Lĩnh vực khác	Cộng
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<i>24.630.005.824</i>	<i>23.935.973.743</i>	<i>48.565.979.567</i>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>27.078.829.568</i>	<i>29.754.779.541</i>	<i>56.833.609.109</i>
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	226.563.454.970	70.523.021.964	297.086.476.934
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>226.563.454.970</i>	<i>70.523.021.964</i>	<i>297.086.476.934</i>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	52.305.164.253	16.281.170.536	68.586.334.789
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(20.759.817.073)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			47.826.517.716
Doanh thu hoạt động tài chính			1.816.966.260
Chi phí tài chính			(9.266.393.041)
Thu nhập khác			285.948.234
Chi phí khác			(657.225.886)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(8.336.667.287)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(64.391.364)
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>			<i>31.604.754.632</i>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<i>8.196.664.462</i>	<i>92.886.577.093</i>	<i>101.083.241.555</i>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>18.699.142.841</i>	<i>18.037.468.927</i>	<i>36.736.611.768</i>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực bốc xếp	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	356.088.922.688	168.207.674.803	524.296.597.491
Tài sản phân bổ cho bộ phận	6.264.904.119	2.578.393.369	8.843.297.488
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			159.463.445.344
<i>Tổng tài sản</i>			<i>692.603.340.323</i>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	283.271.533.894	21.086.828.644	304.358.362.538
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	5.960.930.174	2.453.289.394	8.414.219.568
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			79.635.421.522
<i>Tổng nợ phải trả</i>			<i>392.408.003.628</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực bốc xếp</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	270.196.407.629	260.844.794.822	531.041.202.451
Tài sản phân bổ cho bộ phận	4.117.940.750	1.627.039.498	5.744.980.248
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			136.379.576.238
Tổng tài sản			673.165.758.937
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	129.492.063.688	166.075.779.782	295.567.843.470
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	11.058.452.478	4.369.304.964	15.427.757.442
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			62.430.779.511
Tổng nợ phải trả			373.426.380.423

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Liên

Kế toán trưởng

Võ Thị Xuân Lan

Giám đốc



Bùi Quang Huy

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		280,739,305,894	253,216,829,287
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	155,372,659,234	134,244,599,664
1.Tiền	111		9,372,659,234	11,244,599,664
2.Các khoản tương đương tiền	112		146,000,000,000	123,000,000,000
II.Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	1,000,000,000	-
1.Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1,000,000,000	-
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		118,641,274,452	110,043,000,782
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	109,710,214,068	100,231,499,611
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	332,950,900	4,195,676,927
3.Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	8,843,297,488	5,744,980,248
7.Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(245,188,004)	(129,156,004)
8.Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.Hàng tồn kho	140		2,099,449,857	1,654,392,746
1.Hàng tồn kho	141	V.7	2,099,449,857	1,654,392,746
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		3,625,922,351	7,274,836,095
1.Chỉ phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3,087,970,710	6,365,690,667
2.Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	871,121,772
3.Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	537,951,641	38,023,656
4.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B-TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		411,864,034,429	419,948,929,650
I.Các khoản phải thu dài hạn	210			
1.Phải thu dài hạn của khách hàng	211			

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
2.Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3.Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4.Phải thu dài hạn nội bộ	214			
5.Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6.Phải thu dài hạn khác	216			
7.Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II.Tài sản cố định	220		396,815,133,545	406,522,468,037
1.Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	393,994,446,490	404,922,443,666
- Nguyên giá	222		652,511,445,634	628,485,508,745
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(258,516,999,144)	(223,563,065,079)
2.Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3.Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2,820,687,055	1,600,024,371
- Nguyên giá	228		3,768,631,800	2,219,631,800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(947,944,745)	(619,607,429)
III.Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV.Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.Chỉ phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.Chỉ phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	-	-
V.Đầu tư tài chính dài hạn	250		1,882,653,216	916,812,770
1.Đầu tư vào công ty con	251	V.2b		
2.Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1,882,653,216	916,812,770
3.Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4.Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5.Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI.Tài sản dài hạn khác			13,166,247,668	12,509,648,843
1.Chỉ phí trả trước dài hạn	261	V.8b	12,496,066,415	11,291,485,039
2.Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	670,181,253	1,218,163,804
3.Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4.Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		692,603,340,323	673,165,758,937
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
I	2	3	5	4
A-NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		392,408,003,628	373,426,380,423
I.Nợ ngắn hạn	310		197,652,362,798	169,706,825,437

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	59,633,208,218	49,119,425,075
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	2,656,005	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	7,479,779,628	9,834,453,985
4. Phải trả người lao động	314		28,197,056,470	29,629,050,538
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	4,856,956,694	5,593,303,457
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	34,527,410,921	7,937,376,079
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	53,312,570,501	59,333,629,852
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	9,642,724,361	8,259,586,451
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		194,755,640,830	203,719,554,986
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337		8,643,942,981	8,643,942,981
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18a	186,111,697,849	195,075,612,005
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		300,195,336,695	299,739,378,514
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	300,195,336,695	299,739,378,514
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		149,982,580,000	149,982,580,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		38,191,542,981	34,823,275,467
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
10.Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		87,594,418,577	90,502,990,723
a.LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		63,294,090,119	90,502,990,723
b.LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24,300,328,458	-
12.Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13.Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		24,426,795,137	24,430,532,324
II.Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1.Nguồn kinh phí	432			
2.Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	440		692,603,340,323	673,165,758,937

Ngày 10 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Liên

Võ Thị Xuân La

Bùi Quang Huy

CTY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Mã số thuế : 0309532497

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2

Mẫu B03-DN

(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
6 tháng đầu năm 2017

Đơn vị: đồng

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		43,490,639,928	40,005,813,283
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		35,343,926,061	34,528,786,730
-	Các khoản dự phòng	03		116,032,000	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		140,040	209,611
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2,688,987,557)	(1,797,224,651)
-	Chi phí lãi vay	06		8,873,701,538	9,065,504,568
-	các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		85,135,452,010	81,803,089,541
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8,988,625,775)	(1,916,256,044)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(445,057,111)	951,990,865
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		11,047,171,753	7,136,644,677
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2,073,138,581	1,526,442,385
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(8,047,055,545)	(8,348,995,481)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10,416,562,221)	(6,805,187,873)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		535,000,000	636,700,000
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4,923,203,885)	(4,099,190,000)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		65,970,257,807	70,885,238,070

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(29,008,460,466)	(63,443,468,105)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		727,272,728	53,000,000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,000,000,000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1,000,000,000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,599,845,468	1,673,366,317
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27,681,342,270)	(61,717,101,788)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		38,539,427,835	68,404,323,653
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(53,524,401,342)	(36,430,879,315)
5.	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2,175,742,420)	(7,505,973,565)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(17,160,715,927)	24,467,470,773
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		21,128,199,610	33,635,607,055
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		134,244,599,664	83,635,769,148
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(140,040)	(209,611)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		155,372,659,234	117,271,166,592

Ngày 10 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc






Nguyễn Thị Hồng Liên

Võ Thị Xuân Lan

Phạm Quang Huy

CTY CỔ PHẦN KHO VẬN TÁN CẢNG

Mã số thuế : 0309532497

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2-2016		Quý 2-2017		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			3	4	5	6	Năm trước	Năm nay
I	2	3						7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	165.792.185,550	168.278.507,854	168.278.507,854	297.086,476,934	333.716,308,619	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		165.792.185,550	168.278.507,854	168.278.507,854	297.086,476,934	333.716,308,619	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	125.968,039,653	134.996,994,073	134.996,994,073	228.500,142,145	263.782,768,862	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		39.824,145,897	33.281,513,781	33.281,513,781	68.586,334,789	69.933,539,757	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.267,819,493	1.823,961,927	1.823,961,927	1,816,966,260	2,663,780,542	
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.675,777,323	4.603,890,441	4.603,890,441	9,266,393,041	8,906,272,878	
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.474,920,649	4.603,559,651	4.603,559,651	9,065,504,568	8,873,701,538	
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			-	(47,321,427)	(47,321,427)	-	(47,321,427)	
9. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1,335,697,590	1,272,557,571	1,272,557,571	2,782,730,682	2,902,466,532	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	9,958,812,394	9,417,035,994	9,417,035,994	17,977,086,391	17,348,346,383	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		25,121,678,082	19,764,670,275	19,764,670,275	40,377,090,935	43,392,913,079	
12. Thu nhập khác	31	VI.7	212,052,243	(383,797,525)	(383,797,525)	285,948,234	417,223,112	
13. Chi phí khác	32	VI.8	545,367,979	(350,664,177)	(350,664,177)	657,225,886	319,496,263	
14. Lợi nhuận khác : (40 = 31 - 32)	40		(333,315,736)	(33,133,348)	(33,133,348)	(371,277,652)	97,726,849	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : (50 = 30 +40)	50		24,788,362,346	19,731,536,927	19,731,536,927	40,005,813,283	43,490,639,928	
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		5,178,169,100	3,697,734,274	3,697,734,274	8,336,667,287	8,439,654,874	

CHI TIẾT	Mã số	Thuyết minh	Quý 2-2016		Quý 2-2017		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			4	5	6	7	Năm trước	Năm nay
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	64.391,364	547.982,551	64.391,364	547.982,551		
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp : (60 = 50 - 51-52)	60		19.545.801,882	15.485.820,102	31.604.754,632	34.503.002,503		
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty Mẹ	61		18.478,948,505	14.793,645,477	29.704,324,191	32.905,295,759		
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.066,853,377	692,174,625	1.900,430,441	1,597,706,744		
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	1.232	986	1.698	1,861		
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.10	1.232	986	1.698	1,861		

Người lập biểu


Nguyễn Thị Hồng Liên

Kế toán trưởng


Võ Thị Xuân Lan

Ngày 10 tháng 08 năm 2017

Giám đốc




Bùi Quang Huy